

ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA THEO NHU CẦU XÃ HỘI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TRƯỜNG ĐỨC CƯỜNG (*)

TÓM TẮT: Là một ngành khoa học, đào tạo chuyên môn về lĩnh vực Quản lý văn hóa (trước đây còn gọi là ngành văn hóa quần chúng) với mã số 52220342. Ngành Quản lý văn hóa đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong hoạt động văn hóa trên phạm vi cả nước. Do yêu cầu đào tạo theo nhu cầu xã hội, nên chương trình đào tạo của Ngành ngày càng được hoàn thiện. Nếu áp dụng mô hình quản lý đào tạo Ngành Quản lý văn hóa ở các trường đại học dựa theo mô hình CIPO và được thực hiện theo một qui trình khoa học phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội hướng vào đáp ứng yêu cầu xã hội thì chất lượng, hiệu quả của công tác đào tạo cử nhân Ngành Quản lý văn hóa sẽ được nâng cao, góp phần vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho cả nước.

Từ khóa: văn hóa, quản lý văn hóa, đào tạo.

ABSTRACT: As a science, professional training in the field of Cultural Management (formerly known as public culture) with the code 52220342. Cultural Management sector meets the needs of human resources in cultural activities on a national scale. Due to the training requirements for social needs, so the training program of the sector has been perfected day by day. If applying the model of training management in cultural management at universities followed by CIPO model and implemented in a scientific process which is suitable for social and economic conditions towards the social requirements, the quality and effectiveness of the training cultural management bachelor will be enhanced, contributing to improve the quality of human resources for the country.

Key words: culture, cultural management, training.

1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CÔNG CỤ

1.1. Ngành Quản lý văn hóa

Theo Phan Hồng Giang và Bùi Hoài Sơn viết trong “Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế” thì quản lý văn hóa, là công việc của Nhà nước được thực hiện thông qua việc ban hành, tổ chức thực hiện, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các văn bản qui phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, đồng thời nhằm phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương nói riêng, cả nước nói chung (Phan Hồng Giang, Bùi Hoài Sơn, 2014, tr. 25). Như vậy, quản lý văn hóa là sự tác động chủ quan bằng nhiều hình thức, phương pháp của chủ thể quản lý

(Đảng, Nhà nước, cơ quan có thẩm quyền) đối với khách thể (là mọi thành tố tham gia và làm nên đời sống văn hóa) nhằm đạt được mục tiêu mong muốn.

Ngành Quản lý văn hóa, một ngành khoa học đào tạo chuyên môn về lĩnh vực văn hóa, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong hoạt động văn hóa trên phạm vi cả nước, gồm: quản lý nhà nước về lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, thông tin tuyên truyền, quảng bá, xuất bản, dịch vụ văn hóa công cộng, thiết chế văn hóa (Chính phủ qui định). Song song đó tổ chức các hoạt động của sự nghiệp văn hóa như: đào tạo bồi dưỡng, sáng tác, biểu diễn, quản lý tốt tài sản, cơ sở

(*) Thạc sĩ. Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.

vật chất và các phương tiện chuyên dùng, kinh doanh các dịch vụ văn hóa nhằm nâng cao mức hưởng thụ của nhân dân và hội nhập quốc tế (Phan Hồng Giang, Bùi Hoài Sơn, 2014, tr. 1).

Ngành Quản lý văn hóa, là Ngành đào tạo thuộc nhóm khoa học xã hội với sự liên kết liên ngành, ngoài phần kiến thức đại cương theo qui định chung, thì cơ sở ngành, kiến thức ngành và chuyên ngành được thiết kế một cách hợp lý, một số chuyên ngành thuộc nhóm nghệ thuật có tính đặc thù như: âm nhạc, sân khấu, mỹ thuật, múa, điện ảnh, tổ chức sự kiện...

1.2. Nhu cầu xã hội

Hiện nay, khái niệm nhu cầu xã hội còn nhiều tranh luận và chưa đi đến thống nhất. Có quan điểm cho rằng đào tạo theo nhu cầu xã hội gồm: đào tạo theo yêu cầu của Nhà nước, các địa phương, nhu cầu của người sử dụng lao động, của người học và cả của người bảo trợ cho người học. Song cũng có quan điểm cho rằng, đào tạo theo nhu cầu xã hội là phương thức tổ chức đào tạo ngắn hạn, đào tạo đáp ứng ngay nhu cầu trước mắt. Và quan điểm khác lại cho rằng, nhu cầu xã hội là nhu cầu của người học, khách hàng quan trọng nhất của nhà trường trong cơ chế thị trường là người học, có người học nhà trường mới tồn tại. Hiện nay, có rất nhiều người muốn đi học, nhất là học đại học nên phải mở rộng tuyển sinh, mở thêm nhiều

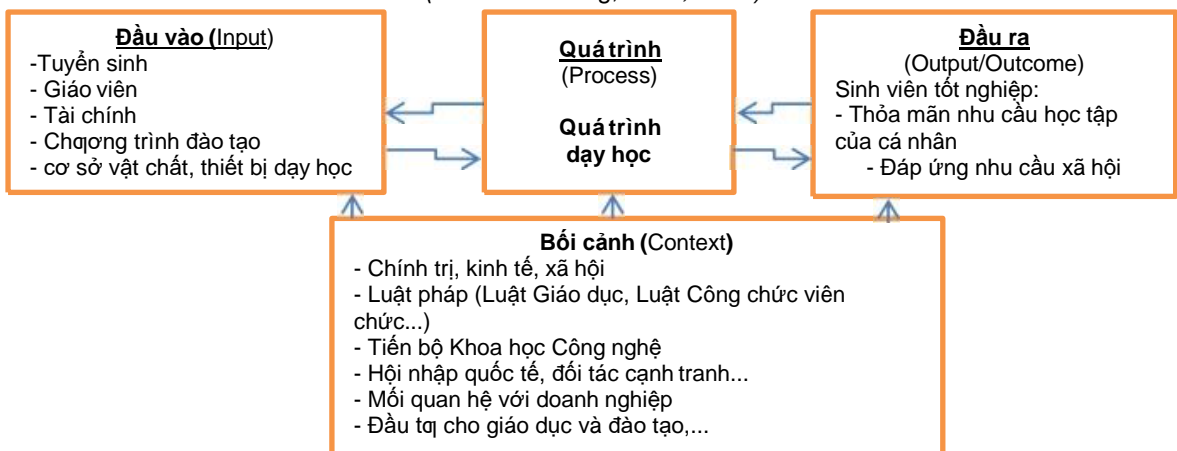
trường đại học để đáp ứng nhu cầu xã hội. Bởi vậy, đào tạo theo yêu cầu xã hội, thì cần phải trả lời được các câu hỏi: (1) Xã hội là ai; họ yêu cầu gì; (2) Làm thế nào để đáp ứng yêu cầu của họ...

Đào tạo theo nhu cầu xã hội chính là mục tiêu của giáo dục đại học nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ đắc lực cho quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, nó không chỉ là trách nhiệm của nhà trường mà còn là của toàn xã hội. Trong đó nhà nước đóng vai trò chủ đạo, điều phối, dẫn đường, thúc đẩy các mối quan hệ giữa nhà trường và nhà tuyển dụng các ngành kinh tế mà đại diện là các doanh nghiệp, làm cho nhu cầu xích lại gần nhau vì lợi ích chung.

2. MÔ HÌNH QUẢN LÝ ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA

Hiện nay trong giáo dục đại học, nhiều mô hình được áp dụng phổ biến như: mô hình kiểm soát chất lượng (Quality Control), mô hình kiểm soát quá trình (Process Control), mô hình quản lý chất lượng tổng thể (Total Quality Management gọi tắt là TQM) và mô hình CIPO (Context (C), Input (I), Process (P), Output/outcome (O)). Ngành Quản lý văn hóa áp dụng mô hình quản lý CIPO. Mô hình CIPO gồm bốn giai đoạn của quá trình đào tạo là những móc xích luôn gắn chặt với nhau, không tách rời nhau.

*Mô hình quản lý đào tạo theo sơ đồ CIPO, được diễn tả như sau
(Bành Tiến Long, 2007, tr. 65)*



3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÃ HỘI

3.1. Hoàn thiện tài liệu, giáo trình phù hợp theo đặc điểm, chức năng riêng của ngành đào tạo

Với đặc trưng cơ sở ngành là những môn học, trang bị cho người học những khái niệm, vị trí, vai trò, bản chất, đặc điểm, hệ thống và phân loại các loại hình nghệ thuật (7 loại hình nghệ thuật), lịch trình phát triển, những trường phái nghệ thuật của thế giới và Việt Nam, phân loại các thành tố văn hóa, vùng văn hóa Việt Nam; hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam và quốc tế liên quan đến quản lý hoạt động văn hóa nghệ thuật, công tác thanh tra, kiểm tra trong ngành văn hóa và vấn đề gia đình trong hoạt động văn hóa (những nguyên lý cấu thành, lịch sử phát triển và xu hướng biến đổi của gia đình, giá trị chuẩn mực trong văn hóa gia đình Việt Nam truyền thống cũng như những vấn đề đặt ra cho gia đình hiện nay).

Đặc trưng kiến thức ngành là phần kiến thức quan trọng, tiền đề cho việc thực hiện nhiệm vụ đối với mỗi cử nhân văn hóa, bao gồm: chính sách văn hóa, kinh tế học văn hóa, công nghiệp văn hóa, marketing văn hóa nghệ thuật, văn hóa cộng đồng, quản lý thiết chế văn hóa, di sản văn hóa, tổ chức quản lý các sự kiện văn hóa... với những kiến thức cơ bản, thể hiện vai trò, đặc điểm, cấu trúc, mối quan hệ tương tác của kinh tế với văn hóa, hoạt động văn hóa nghệ thuật trong nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; quy trình sáng tạo và phân phối các sản phẩm văn hóa; chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, nhân sự của thiết chế văn hóa, các hình thức, phương pháp, kỹ năng xây dựng, phát triển tổ chức hoạt động, quản lý văn hóa cộng đồng; quản lý các sự kiện văn hóa, sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện.

Đặc trưng chuyên ngành, thực hiện kỹ năng nghiên cứu khoa học về văn hóa; quản trị hành chính văn phòng; quản lý dự án văn hóa nghệ thuật; công tác tuyên truyền bằng ngôn ngữ: tuyên truyền miệng, cổ động trực quan, tuyên truyền bằng các loại hình nghệ thuật và phương tiện truyền thông; quy trình tổ chức, xác định giá trị của sự kiện, tổ chức sản xuất chương trình và tổ chức thực hiện kỹ năng sáng tác, biểu diễn, dàn dựng tác phẩm âm nhạc; tác phẩm múa; kiến thức nền tảng về tạo hình, nghệ thuật trang trí ứng dụng; nghệ thuật biên kịch; nghệ thuật đạo diễn phục vụ cho các chương trình văn hóa nghệ thuật ở cơ sở.

Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu xã hội, trong đào tạo đã có phần tự chọn nhằm phát huy sở trường, năng lực, năng khiếu của người học đã dự tuyển ở đầu vào trong khâu tuyển sinh, đã xác định năng khiếu của người học là một yêu cầu, cho nên trong quá trình đào tạo nhà trường tạo điều kiện cho người học được lựa chọn môn học, để họ chủ động phát huy được sở trường, năng lực, khả năng riêng biệt của bản thân. Phần tự chọn được thể hiện từ cơ sở ngành, kiến thức ngành cho đến chuyên ngành.

3.2. Chuẩn hóa đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên, quyết định chất lượng và thương hiệu của một nhà trường do đó cần phải đầu tư để đạt chuẩn về trình độ, mặt khác đối với giảng viên nghệ thuật ngoài năng lực, kinh nghiệm giảng dạy như những giảng viên khác thì lại rất cần những giảng viên/nhà giáo tâm huyết yêu nghề, có trình độ chuyên môn sâu và thành thạo kỹ năng, kỹ xảo, là những điều kiện quan trọng nhất để nâng cao chất lượng đào tạo. Cần phải biết khai thác đội ngũ này sao cho họ phát huy được sở trường, năng lực, kinh nghiệm, "xả thân vì sự nghiệp". Điều này sẽ phụ thuộc vào năng lực quản lý, lãnh đạo của nhà trường, nghệ thuật dùng người của người lãnh đạo và cơ chế, chính sách của

nhà nước. Quản lý tốt đội ngũ giảng viên sẽ làm cho chương trình đào tạo được vận hành thông suốt, chất lượng giáo trình, bài giảng được nâng cao, phương pháp giảng dạy sẽ được đổi mới và trang thiết bị phục vụ giảng dạy sẽ được khai thác một cách hiệu quả.

Nội dung của công tác quản lý giảng viên bao gồm: qui hoạch đội ngũ; tổ chức tuyển dụng; sử dụng và điều phối nguồn nhân lực; kiểm tra, giám sát, đánh giá, động viên khen thưởng kịp thời và quan tâm chăm lo đến đời sống vật chất cũng như tinh thần cho đội ngũ giảng viên.

Ngoài ra, để nâng cao năng lực, phẩm chất đội ngũ nhà giáo, đáp ứng kịp thời với những đổi mới của nhà trường về chương trình, giáo trình, phương pháp đào tạo theo yêu cầu xã hội, nhằm góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nhà trường phải thường xuyên chú ý tới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đặc biệt là đội ngũ cán bộ giảng dạy (Nguyễn Thị Mỹ Lộc, 2003).

3.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ đào tạo

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật, nhạc cụ trong những năm qua đã cũ và lạc hậu, lại thiếu tính đồng bộ. Do đó việc đầu tư và tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện là việc làm cần thiết. Đối với một cơ sở đào tạo đa ngành như Ngành Quản lý văn hóa, đòi hỏi các phòng chức năng cho từng chuyên ngành là rất khác nhau (phòng học lý thuyết âm nhạc, sân khấu, múa, phòng học thực hành, phòng tập, xưởng vẽ, sân khấu, phòng thí nghiệm, phòng đọc, phòng trưng bày, nhà hát...) mang tính chất đặc thù. Hơn nữa, thiết bị dạy học (thiết bị nghe, nhìn chuyên dùng: âm thanh, ánh sáng, nhạc cụ, đạo cụ, trang phục biểu diễn...) giáo trình chuyên khảo, tham khảo có yêu cầu riêng. Cho nên muốn nâng cao chất lượng đào tạo Ngành Quản lý văn hóa, thì cơ sở thực hành, thực tập, biểu

diễn để người học có điều kiện rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo, nâng cao tính trực quan là quan trọng. Việc đổi mới phương pháp trong công tác giảng dạy là những yêu cầu mới trong đào tạo tín chỉ, trong mối quan hệ biện chứng giữa học đi đôi với hành; tăng hoạt động của trò là những yêu cầu mới; mở rộng khả năng học cho nhiều người đồng thời tạo điều kiện để tạo nên những nét/phong cách riêng là đặc điểm cần lưu ý trong đào tạo văn hóa nghệ thuật.

3.4. Quản lý sinh viên

Sinh viên vừa là yếu tố đầu vào vừa là sản phẩm đầu ra của quá trình đào tạo. Chất lượng đào tạo được đánh giá bằng chất lượng đầu ra của sinh viên, chất lượng này phụ thuộc vào chất lượng đầu vào của quá trình đào tạo vì vậy quản lý sinh viên không chỉ là quản lý quá trình học tập mà còn là quản lý công tác tuyển sinh và quản lý sinh viên sau khi tốt nghiệp. Có thể xem xét quản lý sinh viên theo các nội dung sau: *một là*, tổ chức chỉ đạo công tác tuyển sinh và tổng kết đánh giá công tác tuyển sinh. Mục đích của công tác tuyển sinh là lựa chọn được những sinh viên có năng lực, có phẩm chất, có sức khỏe đáp ứng nhu cầu tuyển chọn của nhà trường, trên cơ sở các qui định chung của Nhà nước, căn cứ vào đối tượng đào tạo, hình thức và phương pháp đào tạo để lựa chọn hình thức, cách thức tổ chức tuyển sinh cho phù hợp; *hai là*, quản lý quá trình học tập, rèn luyện đây là nội dung chủ yếu của công tác quản lý sinh viên và ảnh hưởng nhiều đến chất lượng đào tạo. Quản lý sinh viên vừa quản lý giờ trên lớp vừa quản lý giờ tự học và quản lý học tập, nghiên cứu khoa học cũng như quản lý các hoạt động xã hội và hoạt động theo các tổ chức chính trị xã hội; *ba là*, theo dõi sinh viên sau khi tốt nghiệp: đầu ra của sản phẩm sau đào tạo. Cần coi trọng quá trình tìm kiếm việc làm của sinh viên và sự trưởng thành của sinh viên sau khi ra trường. Việc theo dõi sản phẩm

sau đào tạo giúp nhà trường đánh giá quá trình đào tạo, đổi mới đào tạo và quá trình quản lý đào tạo phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, việc theo dõi sinh viên sau khi ra trường cần phải được nhà trường quan tâm, điều này sẽ góp phần tăng thương hiệu và uy tín cho nhà trường, tạo cơ hội để cựu sinh viên có điều kiện tham gia đóng góp vật chất và tinh thần vào việc xây dựng và phát triển nhà trường nói chung và công tác đào tạo nói riêng.

Như vậy, xét về lý luận và thực tiễn đào tạo Ngành Quản lý văn hóa gắn với nhu cầu xã hội, lựa chọn mô hình CIPO là phù hợp vì: đây là ngành khoa học thực hành, ngay từ đầu vào, việc tuyển sinh đã phải sử dụng hình thức thi năng khiếu trực tiếp. Công tác tuyển chọn, phát hiện, tìm kiếm tài năng đã có tiêu chí cụ thể và được lượng hóa ngay từ đầu. Đầu vào tốt thì chắc chắn đầu ra cũng đạt tỷ lệ thuận và ngược lại. Quá trình là điều

kiện quyết định chất lượng đào tạo vì đào tạo cử nhân văn hóa, ngành được coi là đặc thù, có đào tạo năng khiếu nghệ thuật với những loại hình loại thể, phương pháp đào tạo từng bộ môn nghệ thuật có những đặc trưng riêng, sử dụng công nghệ, sử dụng kỹ năng, kỹ xảo, khai thác cái riêng của từng cá nhân cho nên quá trình này sẽ tạo ra sự ảnh hưởng, khác biệt qua từng giai đoạn của quá trình đào tạo. Bối cảnh, tạo ra sự ảnh hưởng nhất định đối với đào tạo cử nhân văn hóa. Các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội, dân số và việc làm, mức sống là những nhân tố sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình. Trong khi đó lĩnh vực này rất cần thiết phải sử dụng chính sách đãi ngộ để thu hút nhân tài cho nên mối quan hệ hữu cơ của CIPO ràng buộc lẫn nhau, không tách rời nhau, áp dụng trong đào tạo ngành Quản lý văn hóa là phù hợp, gắn với mục tiêu đào tạo theo nhu cầu xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Hồng Giang, Bùi Hoài Sơn (2014), *Quản lý văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2003) *Lý luận đại cương về quản lý*, Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Bành Tiến Long (2007), *Đào tạo theo nhu cầu xã hội ở Việt Nam - thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Khoa học giáo dục, số 17 tháng 02, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 17/7/2016. Ngày biên tập xong: 25/8/2016. Duyệt đăng: 06/9/2016